

Sở Y tế Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2020

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN SƠN TRÀ

Địa chỉ chi tiết: số 1118, Đường Ngô Quyền, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Đà Nẵng

Số giấy phép hoạt động: 0543/SYT-GPHD Ngày cấp: 10/10/2014

Tuyên trực thuộc: 3.Quận/Huyện

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hạng bệnh viện: Hạng II

Loại bệnh viện: Đa khoa

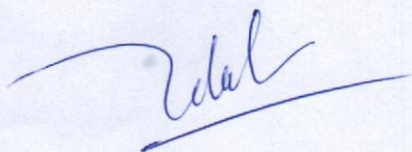
TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 83/83 TIÊU CHÍ
- TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 100%
- TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 302 (Có hệ số: 327)
- ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.63

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	3	29	46	5	83
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	3.61	34.94	55.42	6.02	83

Ngày...2...tháng...12...năm...2020

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


Bs. Trương Linh Thi

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(ký tên và đóng dấu)

Phạm Hồng Nam

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2020

I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2020	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	Chi tiết
A	PHẦN A. HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (19)			
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)			
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4	0	
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	4	0	
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4	0	
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	3	0	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4	0	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	0	
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)			
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	3	0	
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	0	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	0	
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	4	0	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	3	0	
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)			
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	4	0	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	5	0	
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)			
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	0	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4	0	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	0	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	3	0	
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4	0	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	0	
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)			
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)			
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	4	0	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	3	0	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3	0	
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)			
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	4	0	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	4	0	
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	0	
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2020	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	Chi tiết
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3	0	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	4	0	
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	3	0	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4	0	
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)			
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	3	0	
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	3	0	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	0	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4	0	
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)			
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)			
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	2	0	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	3	0	
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)			
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	0	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	0	
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)			
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3	0	
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3	0	
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)			
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	4	0	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	0	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4	0	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	3	0	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	5	0	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	0	
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)			
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	3	0	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4	0	
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	4	0	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	4	0	
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	4	0	
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)			
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	4	0	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4	0	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	4	0	
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)			
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	3	0	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	3	0	

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2020	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	Chi tiết
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	4	0	
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4	0	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	3	0	
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)			
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3	0	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	0	
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)			
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	5	0	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	3	0	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	0	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4	0	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	4	0	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3	0	
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)			
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3	0	
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3	0	
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)			
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)			
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	4	0	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	4	0	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	4	0	
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khẩn phục (5)			
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	3	0	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khẩn phục	4	0	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3	0	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	0	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	2	0	
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)			
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	0	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4	0	
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	0	
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA			
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)			
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	3	0	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	4	0	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4	0	
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	2	0	

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

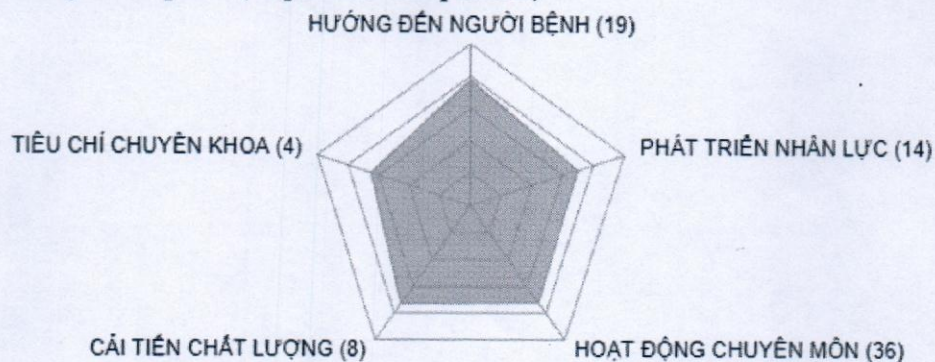
KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	5	11	3	3.89	19
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	2	4	0	3.67	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	2	2	1	3.80	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	1	1	4.50	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	1	4	1	4.00	6
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	0	7	7	0	3.50	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	2	1	0	3.33	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	2	2	0	3.50	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	3	1	0	3.25	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	1	14	18	2	3.60	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	1	1	0	0	2.50	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	1	4	1	4.00	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	0	1	4	0	3.80	5
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	0	3	2	0	3.40	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	2	3	1	3.83	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	1	2	8	0	3.64	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	1	2	2	0	3.20	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	1	1	2	0	3.25	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	0	1	2	0	3.67	3

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

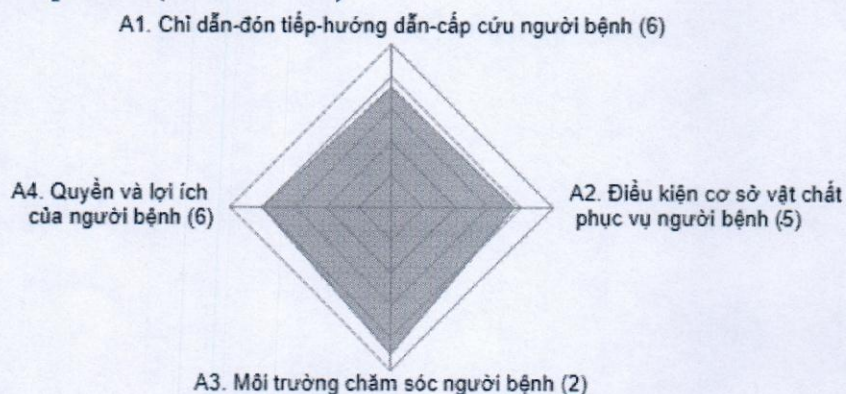
Căn cứ Quyết định số 5972/QĐ-BYT ngày 03/11/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và thi đua năm 2020; Thực hiện Công văn số 4555/SYT-NVY ngày 11/11/2020 của Sở Y tế về việc hướng dẫn triển khai công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện 2020; Trung tâm Y tế Quận Sơn Trà thành lập đoàn tự kiểm tra theo Kế hoạch số 809/KH-YTST và Quyết định số 1206/QĐ-YTST ngày 16/11/2020 của Giám đốc Trung tâm Y tế quận Sơn Trà. Đoàn kiểm tra họp tập huấn các thành viên, phân chia nội dung kiểm tra dựa trên Bộ tiêu chí chất lượng BV phiên bản 2.0 (83 tiêu chí) vào ngày 16/11/2020. Đoàn kiểm tra tiến hành công việc kiểm tra, đánh giá ở tất cả các khóa, phòng, bộ phận của bệnh viện từ ngày 17 đến 18/11/2020. Tổng hợp số liệu, tài liệu, báo cáo, hình ảnh... sau đó nhập vào phần mềm trực tuyến và nộp cơ quan quản lý theo quy định.

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

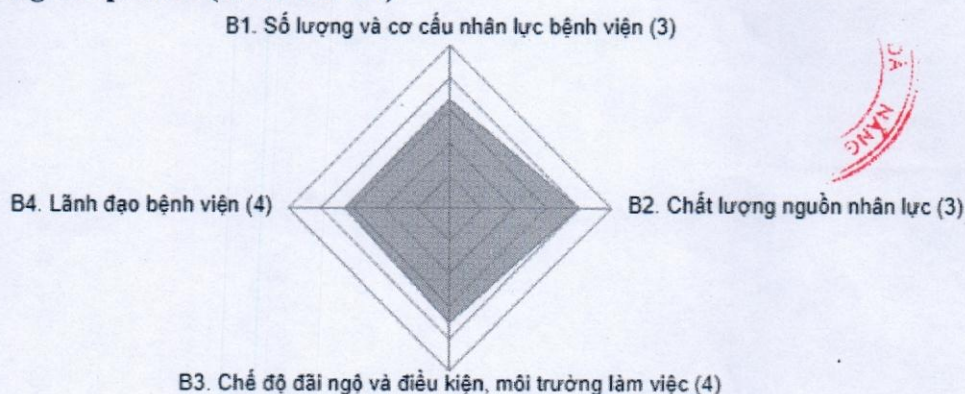
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



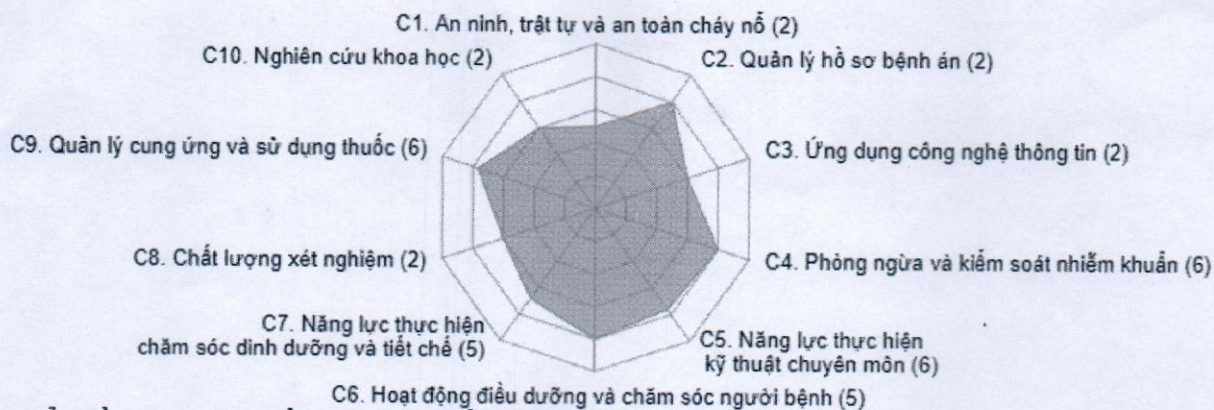
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



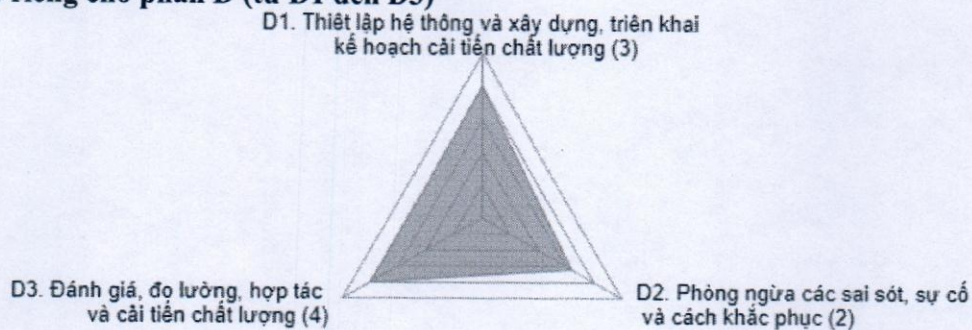
- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



• e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)



V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- BV luôn nỗ lực đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, nhân lực để đảm bảo phục vụ công tác KCB cho người dân.
- Hoạt động chỉ dẫn, tiếp đón - người bệnh và chăm sóc khách hàng hiệu quả, chu đáo, tỷ lệ hài lòng người bệnh luôn ở mức cao, số lượt người bệnh đến khám ngày càng tăng, Công tác khám chữa bệnh đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.
- Trung tâm Y tế quận Sơn Trà là đơn vị vệ tinh của bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng và bệnh viện Đà Nẵng nhằm nâng cao công tác chuyên môn hướng đến sự hài lòng của người bệnh.
- Việc bố trí các biển báo, biển hiệu và chỉ dẫn đã được làm rất chính chu, Các bàn tiếp đón và hướng dẫn được bố trí ở vị trí thuận tiện cho người bệnh dễ tiếp cận, Người bệnh được hỗ trợ và được vận chuyển một cách phù hợp với mức độ và tình trạng bệnh lý.
- Thực hiện việc tiếp nhận, phản hồi, giải quyết các ý kiến phản hồi, phàn nàn, thắc mắc của người bệnh qua đường dây nóng, hòm thư góp ý và có giải pháp khắc phục kịp thời.
- Đã tiến hành cải tiến chất lượng dựa trên các vấn đề cần ưu tiên cải tiến qua kết quả khảo sát hài lòng người bệnh hàng quý.
- Đã tập huấn cho nhân viên Y tế về đổi mới phong cách thái độ phục vụ người bệnh, giảm thái chất thái nhạ, biện pháp đảm bảo an toàn người bệnh..
- Đảm bảo tất cả các Khoa/Phòng trong toàn viện đều có đầy đủ bảng tên phòng, tên khoa, tên buồng bệnh,
- Đảm bảo sự tiện nghi về cơ sở vật chất tại nơi chờ khám: đủ ghế ngồi chờ khám, có ti vi truyền thông giáo dục sức khoẻ.
- Đảm bảo tất cả các lối đi trong toàn viện đều có mái che. Tính toán được thời gian chờ đợi để sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh của người bệnh.
- Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp, được cung cấp quần áo phù hợp theo kích cỡ, bệnh viện có đầy đủ rèm che đảm bảo riêng tư cho người bệnh khi thực hiện thủ thuật chẩn đoán hình ảnh- thăm dò chức năng.
- Đã trang bị máy lọc nước uống trực tiếp cho người bệnh tại khu khám, một số khoa lâm sàng và cận lâm sàng.
- Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Trong năm có tổ chức hội thi tay nghề cho Điều dưỡng và hộ sinh, hội thi 5S
- Công nghệ thông tin được ứng dụng để cải cách thủ tục hành chính như triển khai phần mềm hẹn giờ đăng ký khám bệnh trực tuyến của Sở Nội vụ
- Đã áp dụng bệnh án điện tử toàn viện.
- Đã xây dựng 10 chỉ số đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh
- Đảm bảo công tác phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Bệnh viện đã nỗ lực trong việc xây dựng và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức chất lượng xét nghiệm theo quyết định 2429 của BYT. Và hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm số 2 của ngành y tế năm 2020.
- Có áp dụng Công tác nghiên cứu khoa học vào thực tiễn để cải tiến chất lượng bệnh viện.
- Xây dựng được bộ nhận diện thương hiệu bệnh viện và áp dụng bộ nhận diện trên các hoạt động chính thức của bệnh viện
- Có 01 tổ phó tổ QLCL là cán bộ chuyên trách.
- 50 phần trăm thành viên tổ QLCL có chứng chỉ QLCLBV
- 20 phần trăm thành viên mạng lưới QLCL có chứng chỉ về QLCLCBV
- Duy trì hệ thống báo cáo sự cố y khoa tự nguyện và bắt buộc, các biện pháp an toàn người bệnh, bảng kiểm an toàn phẫu thuật
- Tỷ lệ điều dưỡng của khoa nhi đi đào tạo về nhi đạt 50 phần trăm
- Hoạt động cải tiến chất lượng được triển khai như là hoạt động thường quy tại các khoa phòng.

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

Bệnh viện chưa có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp.
Chiều cao lan can bệnh viện không đủ 1m35 theo tiêu chuẩn trong tiêu chí chất lượng.
Giường bệnh cho trẻ em và người cao tuổi không có thanh chắn phòng người bệnh té ngã.
Chưa có đơn nguyên sơ sinh tại khoa Nhi

VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Đẩy mạnh công tác triển khai các kỹ thuật mới tại bệnh viện, nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn bệnh viện.
Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng một số kỹ thuật chuyên sâu phù hợp với hạng và nhu cầu bệnh viện. Triển khai cả về chiều sâu và chiều rộng các Nghiên cứu khoa học của bệnh viện đã được công nhận vào thực tế tại Bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng Quản lý, khám và điều trị bệnh.
Đẩy mạnh việc thực hiện cải tiến chất lượng bệnh viện, đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật, xây dựng bệnh viện an toàn, xây dựng mức chất lượng phòng xét nghiệm đạt yêu cầu.

VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Đầu năm 2020, dựa trên tổng kết chất lượng bệnh viện năm 2019 và các vấn đề ưu tiên cải tiến chất lượng, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chung của toàn viện cho năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2020, thực hiện cải tiến theo kế hoạch đã đề ra và cố gắng giảm các tiêu chí ở mức 2, tăng số tiêu chí mức 3, 4, 5. Sau tổng kết 6 tháng đầu năm, tổ chức tự kiểm tra chất lượng bệnh viện dựa trên bản kế hoạch và các tiêu chí còn tồn tại, đưa ra giải pháp khắc phục sớm nhất có thể.

IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Bệnh viện cam kết thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng bệnh viện ngày một tốt hơn, phát huy những mặt đạt được, có giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng đạt mức chất lượng cao hơn: không có tiêu chí mức 1, Giảm các tiêu chí mức 2, đạt các tiêu chí ở mức 3 và mức 4, 5 hướng tới một bệnh viện an toàn, xanh, sạch, đẹp, có chất lượng chuyên môn cao.

Ngày...*02*...tháng...*12*...năm...*2020*...

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(ký tên và đóng dấu)

BS. Trương Linh Ji Thi



Phạm Hồng Nam

